

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM**



**BẢN MÔ TẢ  
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC  
(Theo hệ thống tín chỉ, áp dụng từ khóa 59)**

**MÃ NGÀNH: 7380101**  
**TÊN NGÀNH: LUẬT**  
**TÊN CHUYÊN NGÀNH: LUẬT HÀNG HẢI**  
**TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**HẢI PHÒNG - 2018**

**BẢN MÔ TẢ**  
**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**  
(Theo hệ thống tín chỉ, áp dụng từ khóa 59)

Mã ngành: **7380101**      Tên ngành: **Luật**

Tên chuyên ngành: **Luật Hàng hải**

Trình độ: **Đại học chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

**1. Mục tiêu đào tạo**

Chương trình Luật Hàng hải đào tạo về cử nhân trong lĩnh vực Luật hàng hải có kiến thức nền tảng vững chắc về khoa học pháp lý nói chung và chuyên ngành luật hàng hải nói riêng

Chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Luật Hàng hải trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản và toàn diện về hệ thống pháp luật Việt Nam, pháp luật quốc tế và những kiến thức cơ bản chuyên ngành Luật Hàng hải. Người học có thể sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường cũng như trong các hoạt động chuyên môn, có thể sử dụng tin học phục vụ công việc. Chương trình đào tạo trang bị cho người học những khả năng và phương pháp nghiên cứu để tiếp tục theo học bậc đào tạo sau đại học.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng áp dụng các kiến thức cơ sở khoa học pháp lý; nghiên cứu, áp dụng, giải quyết các vấn đề liên quan đến Luật Hàng hải; có khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy kinh nghiệm để trở thành chuyên gia pháp luật hàng hải.

**2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

*Ký hiệu:*

*(A) Khung TĐQG (K1-K5/ S1-S6/ C1-C4)*

*(B) Chuẩn kiểm định (yêu cầu về CĐR của tiêu chuẩn kiểm định liên quan)*

*- các ngành kỹ thuật đối sánh: ABET for engineering programs (3a-3k);*

*- các ngành máy tính đối sánh ABET for computing programs (3a-3i);*

*- các ngành Kinh tế-QTKD đối sánh: ACBSP (AC1, AC2, AC4);*

*- tất cả các ngành đối sánh AUN (AUI.1-AUI.4);*

*Liên thông: toàn trường (university--UN); nhóm ngành (Engineering--EN, Engineering Technology--ET, Econ-Business--EB, Computer Engineering--CE, Foreign Language--FL, Law--LA...); CĐR riêng của ngành (ghi mã ngành, ví dụ: Marine Engineering--MTT).*

*Một số chữ viết tắt:*

- CĐR – Chuẩn đầu ra;  
 CTĐT – Chương trình đào tạo;  
 TĐNL – Thang đo năng lực;  
 KHTN – Khoa học tự nhiên;  
 KHXH – Khoa học xã hội;  
 GDTC – Giáo dục thể chất;  
 GDQP-AN – Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

Mã số	Nội dung	TĐNL
<b>1</b>	<b>KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH LUẬT HÀNG HẢI</b>	
	<b>KIẾN THỨC CƠ BẢN</b>	
<b>1.1</b>	<b>Kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên</b>	
1.1.1	Đại cương hàng hải	2
<b>1.2</b>	<b>Kiến thức cơ bản về khoa học XH&amp;NV, khoa học chính trị</b>	
1.2.1	Lý luận chính trị	2.5
1.2.1.1	<i>Những NLCB của CN Mác - Lênin I</i>	3
1.2.1.2	<i>Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin II</i>	3
1.2.1.3	<i>Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	3.5
1.2.1.4	<i>Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</i>	3.5
1.2.2	Logic học	2
1.2.3	Tâm lý học đại cương	2.5
1.2.4	Xã hội học đại cương	2.5
	<b>KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH</b>	
<b>1.3</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành Luật Hàng hải</b>	<b>3</b>
1.3.1	Giới thiệu ngành Luật	2
1.3.2	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	2.5
1.3.3	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2
1.3.4	Luật Hiến pháp Việt Nam	3
1.3.5	Luật Hành chính Việt Nam	3
1.3.6	Công pháp quốc tế	3
1.3.7	Luật biển	3
1.3.8	Luật Hình sự	3
1.3.9	Luật Dân sự	3.5
1.3.10	Pháp luật Kinh doanh thương mại	3.5
1.3.11	Luật Lao động Việt Nam	3
1.3.12	Luật Tổ tụng hình sự	3

<b>Mã số</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TĐNL</b>
1.3.13	Luật Tổ tụng dân sự	3
1.3.14	Tư pháp quốc tế	3.5
1.3.15	Thực tập cơ sở ngành	3
<i>1.3.15.1</i>	<i>Thực tập cơ sở ngành Luật Hàng hải</i>	3
	<b>KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>	
<b>1.4</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành Luật Hàng hải</b>	<b>4</b>
1.4.1	Quy tắc phòng ngừa đâm va trên biển (COLREG-72)	3.5
1.4.2	Vận chuyển hàng hóa bằng đường biển	3
1.4.3	Anh văn chuyên ngành luật	3.5
1.4.4	Pháp luật về Tàu biển và thuyền bộ tàu biển	3.5
1.4.5	Pháp luật quốc tế về an toàn hàng hải	4
1.4.6	Quản lý rủi ro hàng hải	4
1.4.7	Các sự cố và tai nạn hàng hải	4
1.4.8	Quản lý nhà nước về Hàng hải	4
1.4.9	Kinh tế khai thác thương vụ	4
1.4.10	Bảo hiểm Hàng hải	4
1.4.11	Pháp luật quốc tế về lao động hàng hải	4
1.4.12	Pháp luật về dịch vụ hàng hải	4
1.4.13	Thực tập tốt nghiệp	4
<i>1.4.13.1</i>	<i>Thực tập tốt nghiệp Luật Hàng hải</i>	4
1.4.14	Tốt nghiệp	4
<i>1.4.14.1</i>	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	4
	<i>Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>	
1.4.15	Kỹ năng giải quyết tranh chấp hàng hải	4
1.4.16	Tổn thất chung	4
1.4.17	Giải quyết bồi thường trong bảo hiểm hàng hải	4
<b>1.5</b>	<b>KIẾN THỨC TỰ CHỌN</b>	
	<b>Kiến thức tự chọn</b>	<b>2.5</b>
1.5.1	Anh văn cơ bản 1	3.5
1.5.2	Anh văn cơ bản 2	3.5
1.5.3	Anh văn cơ bản 3	3.5
1.5.4	Quản trị doanh nghiệp	3
1.5.5	Tin học văn phòng	3
1.5.6	Đại cương tàu biển	2.5
1.5.7	Đại cương văn hóa Việt Nam	2.5
1.5.8	Địa lý vận tải	2.5

<b>Mã số</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TĐNL</b>
1.5.9	Chính sách về biển và đại dương	3
1.5.10	Kinh tế cảng	2.5
1.5.11	Tập quán thương mại quốc tế	3
1.5.12	Môi trường và bảo vệ môi trường	3
1.5.13	Luật Tài chính – Ngân hàng	3
1.5.14	Giao dịch thương mại quốc tế	2.5
1.5.15	Marketing Logistics	2.5
1.5.16	Kiểm tra nhà nước cảng biển	3
1.5.17	Luật Hôn nhân và gia đình	2.5
1.5.18	Luật Thương mại quốc tế	3
1.5.19	Pháp luật quốc tế về vận chuyển hàng hóa bằng đường biển	3
1.5.20	Quản lý an toàn và an ninh hàng hải	3
1.5.21	Giới hạn trách nhiệm dân sự trong hàng hải	3
<b>2</b>	<b>KỸ NĂNG CHUYÊN MÔN – PHẨM CHẤT ĐẠO ĐỨC CÁ NHÂN</b>	
<b>2.1</b>	<b>Khả năng nghiên cứu, phân tích và giải quyết vấn đề</b>	
2.1.1	Xác định và nêu vấn đề	2.5
2.1.1.1	<i>Phát hiện dấu hiệu vấn đề pháp lý thông qua thực tiễn và khai thác dữ liệu</i>	2
2.1.1.2	<i>Đánh giá các giả định và kiểm tra các nguồn định kiến</i>	2
2.1.1.3	<i>Phân loại vấn đề, xác định vấn đề ưu tiên</i>	2.5
2.1.1.4	<i>Lập kế hoạch và xây dựng lịch trình để giải quyết vấn đề</i>	2.5
2.1.2	Các giả thiết và lập luận	3
2.1.2.1	<i>Thiết lập các giả định để đơn giản hóa các tình huống, diễn biến có thể tác động tới vấn đề pháp lý</i>	2.5
2.1.2.2	<i>Chỉ ra các căn cứ pháp lý, các khái niệm, quan điểm và phạm trù có liên quan tới vấn đề pháp lý</i>	2.5
2.1.2.3	<i>Chỉ ra các ưu, nhược điểm và xác định các giải pháp, đánh giá tính đúng đắn của từng giải pháp để giải quyết vấn đề pháp lý</i>	3
2.1.3	Đề xuất giải pháp và khuyến nghị	4
2.1.3.1	<i>Kiểm tra sự khác biệt trong các kết quả</i>	3.5
2.1.3.2	<i>Chỉ ra các giải pháp cho vấn đề pháp lý</i>	4
2.1.3.3	<i>Đề xuất các cải tiến đối với cơ cấu tổ chức, mô hình hoạt động của cơ quan, tổ chức hoặc doanh nghiệp hoặc các giải pháp khắc phục bất cập trong hệ thống pháp luật trong quá trình giải quyết vấn đề pháp lý</i>	4

<b>Mã số</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TĐNL</b>
<b>2.2</b>	<b>Thực hành và khám phá tri thức</b>	
2.2.1	Xác định và giả thiết để giải quyết các vụ việc thực tế	2.5
2.2.1.1	<i>Xác định các câu hỏi quan trọng để xem xét</i>	2
2.2.1.2	<i>Chỉ ra những giả thiết cần được kiểm chứng</i>	2.5
2.2.2	Tìm hiểu các quy định pháp luật và các vụ việc đã được giải quyết	3
2.2.2.1	<i>Xác định và tìm kiếm thông tin/dữ liệu nhằm tìm câu trả lời cho các câu hỏi/kiểm định các giả thiết</i>	2
2.2.2.2	<i>Sắp xếp và phân loại thông tin/dữ liệu chính yếu</i>	2.5
2.2.2.3	<i>Kiểm tra, đánh giá chất lượng thông tin/dữ liệu</i>	3
2.2.2.4	<i>Xác định những vấn đề nghiên cứu chưa được trả lời</i>	3
2.2.3	Tham vấn ý kiến của các bên liên quan để giải quyết vụ việc	3.5
2.2.3.1	<i>Xây dựng chiến lược, xác định mục tiêu, công cụ và biện pháp thích hợp cho các vấn đề pháp lý cụ thể</i>	2.5
2.2.3.2	<i>Xác định các biến cố bất lợi có thể xảy ra trong quá trình giải quyết các vấn đề pháp lý</i>	3
2.2.3.3	<i>Xây dựng phương pháp giải quyết vấn đề pháp lý</i>	3.5
2.2.3.4	<i>Thu thập và ghi chép các kết quả tham vấn</i>	3.5
2.2.4	Lập luận và bảo vệ quan điểm để giải quyết vấn đề	4
2.2.4.1	<i>Kiểm tra tính khả thi của các giải pháp</i>	3.5
2.2.4.2	<i>Lập luận đưa ra quan điểm giải quyết vấn đề pháp lý</i>	4
<b>2.3</b>	<b>Tư duy hệ thống</b>	
2.3.1	Tư duy logic	3
2.3.1.1	<i>Hiểu các hình thức suy luận thông thường; kết cấu và các quy tắc chứng minh, bác bỏ.</i>	3
2.3.1.2	<i>Hình thành kỹ năng tư duy hệ thống, đúng đắn, tránh được những lỗi logic</i>	3
2.3.2	Khả năng so sánh luật học	3
2.3.2.2	<i>Phân tích sự khác biệt và tương đồng giữa các hệ thống pháp luật</i>	2.5
2.3.2.3	<i>Nắm bắt được những xu hướng phát triển và ảnh hưởng theo thời gian của các hệ thống pháp luật đối với các quốc gia</i>	3
<b>2.4</b>	<b>Kỹ năng và thái độ cá nhân</b>	

<b>Mã số</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TĐNL</b>
2.4.1	Chủ động, kiên trì, quyết tâm và linh hoạt	2.5
2.4.1.1	<i>Ý thức và nhận biết các rủi ro pháp lý</i>	2.5
2.4.1.2	<i>Ý thức trách nhiệm về các kết quả có thể mang lại cho cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp thông qua các hoạt động</i>	2.5
2.4.1.3	<i>Xác định tầm quan trọng của làm việc chăm chỉ, cường độ cao và hành động dứt khoát để hoàn thành mục tiêu</i>	2.5
2.4.2	Tư duy độc lập và đánh giá – phân biện	2.5
2.4.2.1	<i>Đưa ra các giả định, lập luận và đánh giá vấn đề pháp lý trên quan điểm toàn diện (mục đích, động cơ, phương pháp, kết quả...)</i>	2.5
2.4.2.2	<i>Các kết luận rút ra từ quá trình tư duy</i>	2.5
2.4.3	Nhận thức về thái độ, kiến thức và kỹ năng bản thân	3
2.4.3.1	<i>Đánh giá các kỹ năng, điểm mạnh và điểm yếu, các kỳ vọng của bản thân</i>	2.5
2.4.3.2	<i>Phân tích và chỉ ra các giới hạn của bản thân, và phương pháp để khắc phục</i>	3
2.4.4	Học tập và rèn luyện suốt đời	3
2.4.4.1	<i>Nhận biết động lực để rèn luyện và học tập thường xuyên</i>	3
2.4.4.2	<i>Xác định các phương pháp và kỹ năng để tự rèn luyện</i>	3
2.4.5	Khả năng làm việc trên máy tính	3
2.4.5.1	<i>Có chứng chỉ MOS</i>	3
2.4.5.2	<i>Có khả năng tra cứu các văn bản pháp luật và các tài liệu luật học trên mạng Internet</i>	3
<b>2.5</b>	<b>Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp</b>	
2.5.1	Hình thành đạo đức nghề nghiệp	3
2.5.1.1	<i>Liêm chính, trung thực trong mọi hoàn cảnh nghề nghiệp</i>	3
2.5.1.2	<i>Thực hiện công việc với tinh thần trách nhiệm cao</i>	3
2.5.2	Có thái độ hành xử chuyên nghiệp	3
2.5.2.1	<i>Xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp, đề cao tính chuẩn xác và sự thận trọng trong ngành luật</i>	3
2.5.2.2	<i>Hiểu biết các thông lệ và tập quán làm việc quốc tế</i>	3

<b>Mã số</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TĐNL</b>
2.5.3	Luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực luật học	3
2.5.3.1	<i>Tổng hợp và nắm bắt kịp thời các những quy định mới trong nước và quốc tế liên quan tới lĩnh vực pháp luật</i>	2.5
2.5.3.2	<i>Đề xuất, chỉnh sửa những thay đổi của pháp luật cho phù hợp với hoàn cảnh kinh tế - xã hội</i>	3
<b>3</b>	<b>KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP</b>	
<b>3.1</b>	<b>Làm việc nhóm</b>	
3.1.1	Tổ chức nhóm hiệu quả	2.5
3.1.1.2	<i>Nhận biết vai trò, trách nhiệm của nhóm và từng thành viên trong nhóm</i>	2
3.1.1.4	<i>Nhận biết điểm mạnh/điểm yếu của nhóm và các thành viên</i>	2.5
3.1.2	Hoạt động nhóm	3
3.1.2.1	<i>Xây dựng mục tiêu, nguyên tắc và các kế hoạch cho nhóm</i>	2
3.1.2.2	<i>Thảo luận và phân bổ công việc cho từng thành viên trong nhóm</i>	2.5
3.1.2.3	<i>Giao tiếp hiệu quả trong quá trình làm việc nhóm</i>	2.5
3.1.2.4	<i>Quyết định chung cho các vấn đề</i>	3
<b>3.2</b>	<b>Giao tiếp</b>	
3.2.1	Giao tiếp bằng văn bản	2
3.2.1.1	<i>Viết mạch lạc và trôi chảy với các loại văn bản khác nhau (quyết định, hợp đồng, biên bản, điều lệ, quy chế...)</i>	2
3.2.1.2	<i>Viết đúng chính tả</i>	2
3.2.1.3	<i>Định dạng văn bản đúng theo thể thức và quy định pháp luật</i>	2
3.2.2	Thuyết trình	2
3.2.2.1	<i>Chuẩn bị thuyết trình với phương tiện hỗ trợ.</i>	2
3.2.2.2	<i>Sử dụng ngôn ngữ phi ngôn từ thích hợp (cử chỉ, ánh mắt).</i>	2
3.2.3	Yêu cầu thông tin, lắng nghe và đối thoại	3
3.2.3.1	<i>Chú ý lắng nghe để hiểu rõ ý tưởng mọi người.</i>	2.5
3.2.3.2	<i>Đặt câu hỏi thận trọng với người khác</i>	3
3.2.3.3	<i>Xử lý các quan điểm khác nhau.</i>	3
3.2.3.4	<i>Khách quan khi phán xét và tôn trọng các ý kiến khác nhau</i>	3
3.2.4	Đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột	4



<b>Mã số</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TĐNL</b>
3.2.4.1	<i>Xác định các bất đồng</i>	3.5
3.2.4.2	<i>Sử dụng phương pháp đàm phán để giải quyết bất đồng song đảm bảo giữ vững những nguyên tắc cơ bản</i>	4
<b>3.3</b>	<b>Giao tiếp bằng ngoại ngữ</b>	
3.3.1	Tiếng Anh – Chuẩn đầu ra 450 TOEIC	3.5
3.3.2	Tiếng Anh chuyên ngành	3.5
<b>4</b>	<b>NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP</b>	
<b>4.1</b>	<b>Bối cảnh bên ngoài xã hội</b>	
4.1.1	Nhận thức vai trò và trách nhiệm cử nhân luật đối với xã hội	3
4.1.1.1	<i>Khẳng định vai trò là cử nhân luật thông qua công việc và hoạt động với những đóng góp tích cực cho xã hội, hoạt động của các cơ quan nhà nước, khách hàng và doanh nghiệp</i>	3
4.1.2	Nhận thức được vai trò của khoa học pháp lý, mối quan hệ giữa khoa học pháp lý và các quy phạm xã hội	3.5
4.1.2.1	<i>Khái quát và đánh giá ảnh hưởng của ngành luật đối với xã hội, tri thức và sự phát triển của hệ thống pháp luật trong nền văn hóa hiện đại</i>	3.5
4.1.2.2	<i>Ý thức vai trò và sự tác động của đạo đức, phong tục tập quán và các tín điều tôn giáo đối với sự phát triển của các quy tắc pháp lý</i>	3.5
4.1.3	Có kiến thức lịch sử, văn hóa - xã hội và các giá trị đương đại	2
4.1.3.1	<i>Nhận biết bản chất đa dạng và lịch sử của xã hội loài người cũng như các truyền thống văn học, triết học và nghệ thuật của họ</i>	2
4.1.3.2	<i>Nhận biết và giải thích các vấn đề và giá trị chính trị, xã hội và môi trường đương đại</i>	2
4.1.4	Có tri thức về hội nhập quốc tế	2
4.1.4.1	<i>Ý thức được sự ảnh hưởng của xu hướng hội nhập quốc tế đối với lĩnh vực luật học</i>	2
4.1.4.2	<i>Những điểm tương đồng và khác biệt trong các tập quán chính trị, xã hội, kinh tế, kinh doanh của các nền văn hóa khác nhau</i>	2
<b>4.2</b>	<b>Bối cảnh kinh tế - chính trị trong nước và quốc tế</b>	
4.2.1	Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa	2

<b>Mã số</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TĐNL</b>
4.2.1.1	<i>Nhận biết được sự khác biệt về quy trình, văn hóa và thước đo thành công trong văn hóa cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp</i>	2
4.2.2	Khả năng thích ứng trong các môi trường làm việc khác nhau	2
4.2.2.1	<i>Phân tích và đánh giá các chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động của cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp</i>	2
4.2.2.2	<i>Khái quát vai trò và trách nhiệm khác nhau trong cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp</i>	2
4.2.2.3	<i>Lập kế hoạch làm việc hiệu quả</i>	2
4.2.2.4	<i>Phân đoán và thích ứng với sự thay đổi, năng động và tiến triển trong cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp</i>	2
<b>4.3</b>	<b>Hình thành ý tưởng và kỹ năng giải quyết các vấn đề pháp lý</b>	
4.3.1	Thiết lập những mục tiêu và yêu cầu của các vấn đề pháp lý	3.5
4.3.1.1	<i>Đánh giá được nhu cầu và cơ hội</i>	3.5
4.3.1.2	<i>Nhận biết và đánh giá cơ hội từ những thay đổi trong chính sách và pháp luật</i>	3.5
4.3.1.3	<i>Nhận biết các ảnh hưởng đối với đạo đức và xã hội.</i>	3.5
4.3.2	Xác định cơ sở lý luận làm nền tảng giải quyết vấn đề pháp lý	3.5
4.3.2.1	<i>Nhận biết và phát triển các định nghĩa, khái niệm và lý thuyết làm nền tảng</i>	3.5
4.3.3	Giả định những tình huống có thể xảy ra và đảm bảo các mục tiêu có thể thực hiện	4
4.3.3.1	<i>Xác định các tiền đề đảm bảo khả năng thực thi ý tưởng: nguồn lực, môi trường pháp lý.</i>	3
4.3.3.2	<i>Phân tích mối liên hệ giữa các tiền đề</i>	3.5
4.3.3.3	<i>Quyết định phát triển ý tưởng thành kế hoạch, chương trình hành động</i>	4
<b>4.4</b>	<b>Lập kế hoạch để giải quyết các vấn đề pháp lý</b>	
4.4.1	Lập kế hoạch	4
4.4.1.1	<i>Lập kế hoạch thực hiện bao gồm xác định các thành phần, mối liên hệ, thời gian và các nguồn lực thực hiện</i>	3
4.4.1.2	<i>Phân bổ nhiệm vụ và bố trí đơn vị/bộ phận</i>	3.5
4.4.1.3	<i>Tiên lượng những thay đổi và dự kiến phương án thay thế</i>	4
4.4.2	Các giai đoạn thực hiện kế hoạch	4

<b>Mã số</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TĐNL</b>
4.4.2.1	<i>Xác định mục tiêu cần đạt được trong mỗi giai đoạn và mối liên hệ giữa các giai đoạn.</i>	3.5
4.4.2.2	<i>Đảm bảo quá trình thực hiện đáp ứng tính khả thi của kế hoạch</i>	4
4.4.3	Vận dụng kiến thức pháp lý trong quá trình thực hiện kế hoạch	4
4.4.3.1	<i>Xác định và vận dụng được những kiến thức pháp lý cần thiết cho quá trình thực hiện kế hoạch.</i>	4
4.4.3.2	<i>Tuyên truyền, giải thích các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện kế hoạch</i>	4
<b>4.5</b>	<b>Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch</b>	
4.5.1	Đề ra tiêu chuẩn/tiêu chí để đánh giá kết quả thực hiện	4
4.5.1.1	<i>Đánh giá kết quả thực hiện có đạt được các mục tiêu đề ra trong kế hoạch</i>	4
4.5.1.2	<i>So sánh kết quả thực hiện với dự kiến ban đầu của kế hoạch</i>	4
4.5.2	Đánh giá kết quả thực hiện dựa trên bối cảnh kinh tế - xã hội	4
4.5.2.1	<i>Đánh giá sự thay đổi môi trường pháp lý trong quá trình thực hiện kế hoạch</i>	4
4.5.2.2	<i>Đề xuất những thay đổi về mặt luật pháp đối với các lĩnh vực có liên quan đến kế hoạch</i>	4

### **Thang trình độ năng lực và phân loại học tập**

<b>Thang TĐNL</b>	<b>PHÂN LOẠI HỌC TẬP</b>		
	<b>Lĩnh vực Kiến thức (Bloom, 1956)</b>	<b>Lĩnh vực Thái độ (Krathwohl, Bloom, Masia, 1973)</b>	<b>Lĩnh vực Kỹ năng (Simpson, 1972)</b>
1. <i>Có biết hoặc trải qua</i>			1. Khả năng Nhận thức 2. Khả năng Thiết lập
2. Có thể tham gia vào và đóng góp cho	1. Khả năng Nhớ	1. Khả năng Tiếp nhận hiện tượng	3. Khả năng Làm theo hướng dẫn
3. Có thể hiểu và giải thích	2. Khả năng Hiểu	2. Khả năng Phản hồi hiện tượng	4. Thuần thực

Thang TĐNL	PHÂN LOẠI HỌC TẬP		
	Lĩnh vực Kiến thức (Bloom, 1956)	Lĩnh vực Thái độ (Krathwohl, Bloom, Masia, 1973)	Lĩnh vực Kỹ năng (Simpson, 1972)
4. Có kỹ <b>năng</b> thực hành hoặc triển khai trong	3. Khả năng Áp dụng 4. Khả năng Phân tích	3. Khả năng Đánh giá	5. Thành thạo kỹ năng phức tạp 6. Khả năng Thích ứng
5. Có thể <b>dẫn đắt</b> hoặc <b>sáng tạo</b> trong	5. Khả năng Tổng hợp 6. Khả năng Đánh giá	4. Khả năng Tổ chức 5. Khả năng Hành xử	7. Khả năng Sáng chế

### 3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên sau tốt nghiệp ngành Luật Hàng hải có thể công tác tại:

- Nhóm 1: Có khả năng làm việc tại các cơ quan nhà nước, bao gồm các cơ quan bảo vệ pháp luật như Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án, Công an, các cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải, các Cảng vụ ... và các cơ quan nhà nước khác từ Trung ương đến địa phương.

- Nhóm 2: Làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý như luật sư, tư vấn viên trong các công ty, văn phòng luật, văn phòng công chứng trong và ngoài nước; chuyên viên pháp chế, tư vấn viên trong các doanh nghiệp có yêu cầu sử dụng nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực pháp luật và đặc biệt là Luật hàng hải trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Nhóm 3: Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế có các hoạt động liên quan đến các vấn đề pháp luật nói chung và luật hàng hải nói riêng.

- Nhóm 4: Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, luật hàng hải như: Các trường đại học, cao đẳng, trung tâm, viện nghiên cứu về các lĩnh vực liên quan đến pháp luật và luật hàng hải

### 4. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

#### 4.1. Khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa: 121 TC

(Không tính các học phần GDTC và GDQP-AN)

a. Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản (không tính ngoại ngữ, tin học): 18 TC.

b. Khối kiến thức, kỹ năng cơ sở ngành: 40 TC.

c. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: 33 TC.

d. Tốt nghiệp: 6 TC.

e. Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn: 24 TC.

#### 4.2. Cấu trúc chương trình đào tạo

HỌC KỲ 1		HỌC KỲ 2	
<b>I. Bắt buộc: 14 TC</b>	<b>Học trước</b>	<b>I. Bắt buộc: 13 TC</b>	<b>Học trước</b>
1. Giới thiệu ngành Luật Hàng hải (11465-2TC)		1. Kinh tế chính trị (19401-2TC)	19101
2. Triết học Mác-Lênin (19101 - 3TC)		2. Tâm lý học đại cương (19108-2TC)	

3. LL chung về Nhà nước và PL (11470-4TC) 4. Logic học (19110-2TC) 5. Lịch sử nhà nước và pháp luật (11455-3TC) <b>II. Tự chọn</b> 1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC) 2. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)	3. Luật hiến pháp Việt Nam (11471-4TC) 4. Luật hành chính Việt Nam (11431-3TC) 11470 5. Công pháp quốc tế (11446-2TC) <b>II. Tự chọn</b> 1. Tin học văn phòng (17102-3TC) 2. Đại cương về tàu biển (11115-2TC)
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 3</b></p> <b>I. Bắt buộc: 13 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span> 1. Chủ nghĩa xã hội KH (19501 - 2TC) 19401 2. Đại cương hàng hải (11110-2TC) 3. Luật biển (11402-2TC) 4. Luật Hình sự (11443-3TC) 5. Luật Dân sự (11442-4TC) <b>II. Tự chọn</b> 1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC) 2. Đại cương văn hóa Việt nam (19302-2TC) 3. Địa lý vận tải (15301-2TC)	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 4</b></p> <b>I. Bắt buộc: 11 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span> 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC) 19501 2. Pháp luật KD thương mại (11445-3TC) 3. Luật Tố tụng hình sự (11444-2TC) 11443 4. Luật tố tụng dân sự (11448-2TC) 11442 5. Luật Lao động Việt Nam (11436-2TC) <b>II. Tự chọn</b> 1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC) 2. CS về biển và đại dương (11428-2TC) 3. Kinh tế cảng (15305-2TC) 4. Tập quán thương mại quốc tế (11420-2TC)
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 5</b></p> <b>I. Bắt buộc: 15 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span> 1. Lịch sử Đảng Cộng sản VN (19303-2TC) 19201 2. Quy tắc PNDV trên biển (11111-3TC) 3. VC hàng hóa bằng đường biển (11239-2TC) 11442 4. Tư pháp quốc tế (11447-3TC) 5. Anh văn chuyên ngành luật (25459-4TC) 6. Thực tập cơ sở ngành (11460-1TC) <b>II. Tự chọn</b> 1. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC) 2. Luật Tài chính-Ngân hàng (11458-2TC) 3. Giao dịch thương mại quốc tế (15635-3TC)	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 6</b></p> <b>I. Bắt buộc: 11 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span> 1. Xã hội học đại cương (19202-2TC) 2. PL về tàu biển và thuyền bộ TB (11466-2TC) 3. Quản lý rủi ro hàng hải (11438-2TC) 11111 4. PL quốc tế về an toàn HH (11449-3TC) 5. Các sự cố và tai nạn hàng hải (11413-2TC) <b>II. Tự chọn</b> 1. Marketing Logistics (15816-2TC) 2. Kiểm tra nhà nước cảng biển (11440-2TC) 3. Luật Hôn nhân và gia đình (11467-2TC) 4. Luật thương mại quốc tế (11459-2TC)
<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 7</b></p> <b>I. Bắt buộc: 11 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span> 1. Quản lý nhà nước về Hàng hải (11451-2TC) 2. Kinh tế khai thác thương vụ (11406-2TC) 3. Bảo hiểm Hàng hải (11454-3TC) 4. PL quốc tế về lao động HH (11439-2TC) 11466 5. Pháp luật về dịch vụ hàng hải (11450-2TC) <b>II. Tự chọn</b> 1. PL quốc tế về VCHH bằng ĐB (11441-2TC) 2. Luật thương mại quốc tế (11459-2TC) 3. Giới hạn TN dân sự trong HH (11437-2TC)	<p style="text-align: center;"><b>HỌC KỲ 8</b></p> <b>I. Bắt buộc: 4 TC</b> <span style="float: right;"><b>Học trước</b></span> 1. Thực tập tốt nghiệp (11462-4TC) <b>II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12 TC</b> 1. Khóa luận tốt nghiệp (11463-6TC) 2. Kỹ năng GQ tranh chấp HH (11452-2TC) 3. Tôn thất chung (11456-2TC) 4. GQ bồi thường trong BHHH (11457-2TC)

## 5. Tuyển sinh

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tổ chức tuyển sinh chuyên ngành Luật Hàng hải hàng năm theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Nhà trường.

## 6. Tổ chức giảng dạy, học tập và đánh giá

Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ. Nhà trường tổ chức đào tạo theo năm học và học kỳ.

- Một năm học gồm 03 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè.

- Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí. Các học phần thực tập cũng được bố trí trong học kỳ phụ.

- Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.

- Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá theo kết quả học tập trong kỳ và kết quả thi cuối kỳ. Thực hiện đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo học kỳ và theo khóa học.

## **7. Cấp bằng tốt nghiệp**

Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo, đảm bảo các chuẩn đầu ra và các điều kiện cấp bằng đại học khác theo quy định được cấp bằng Cử nhân ngành Luật, chuyên ngành Luật Hàng hải.